

TUẦN 5

BÀI THỨ HAI

Tập đọc:

Tiết 9. NHỮNG HẠT THÓC GIỐNG

I. Mục đích yêu cầu

- Đọc trơn toàn bài. Biết đọc bài với giọng kể chậm rãi, phân biệt lời nhân vật, đọc đúng ngữ điệu câu hỏi và câu kể.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Nắm được ý chính và hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi lòng trung thực.
- Giáo dục học sinh luôn có tính trung thực trong cuộc sống.

II. Đồ dùng dạy học

- Tranh minh họa trong SGK, bảng phụ

III. Các hoạt động dạy- học

<p>1. Ôn định</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi 2 em đọc thuộc lòng bài Tre Việt Nam và nêu ý nghĩa của bài thơ. <p>3. Dạy bài mới</p> <p>a. Giới thiệu bài: SGK trang 115</p> <p>b. Hướng dẫn luyện đọc và tìm hiểu bài</p> <p>* Luyện đọc</p> <ul style="list-style-type: none">- GV sửa lỗi phát âm- Giúp h/s hiểu từ khó- GV đọc diễn cảm cả bài <p>* Tìm hiểu bài</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà vua chọn người thế nào để nối ngôi?- Nhà vua làm gì để chọn người ?- Thóc luộc chín có nảy mầm được không?- Chú bé Chôm làm gì, kết quả ?- Đến kì hạn mọi người đã làm gì ?- Chôm có gì khác mọi người ?- Thái độ của mọi người ra sao ?- Vì sao người trung thực là người đáng quý ? <p>* Hướng dẫn đọc diễn cảm</p> <ul style="list-style-type: none">- GV chọn đọc mẫu đoạn cuối- Tổ chức thi đọc diễn cảm- GV nhận xét, khen h/s đọc tốt	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra sĩ số, hát- 2 em đọc thuộc lòng bài: Tre Việt Nam- Nêu ý nghĩa của bài thơ.- Nghe giới thiệu, mở SGK- HS nối tiếp nhau đọc theo 4 đoạn đọc 3 lượt. HS luyện đọc theo cặp.- 1 em đọc chú giải- 2 em đọc cả bài- Theo dõi sách- 2 em trả lời (người trung thực)- Không nảy mầm được- Chôm gieo hạt, chăm sóc nhưng thóc không nảy mầm.- Mọi người chờ thóc đến nộ- Chôm tâu vua: thóc không nảy mầm- Cậu rất trung thực- Ngạc nhiên sợ hãi- Nhiều em nêu ý kiến cá nhân- 4 em nối tiếp đọc 4 đoạn- Chia lớp theo nhóm 3, đọc đoạn theo vai trong nhóm.- Vài nhóm lên đọc theo vai- Lớp nhận xét, chọn nhóm đọc hay
--	--

4. Củng cố dặn dò: - Câu chuyện muốn nói lên điều gì? - Em hãy liên hệ thực tế. - Về nhà đọc lại bài.	- HS nêu ý nghĩa câu chuyện - HS liên hệ.
--	--

Toán

Tiết 21. **LUYỆN TẬP**

I. Mục đích yêu cầu:

Giúp HS:

- Củng cố về nhận biết số ngày trong từng tháng của một năm.
- Biết năm nhuận có 365 ngày và năm không nhuận có 366 ngày.
- Củng cố về mối quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian đã học, cách tính mốc thế kỷ.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ
- SGK toán.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>I. Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none">+ 1 thế kỷ = ? năm+ 1 giờ = ? phút.+ 1 phút = ? giây <p>2. Bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cho HS làm các bài tập trong SGK toán trang 26.- Bài 1: Năm nhuận là năm có hai chữ số cuối chia hết cho 4 (năm 1980; 2008).- Bài 2: GV hướng dẫn. * 3 ngày =giờ Vì 1 ngày = 24 giờ nên: 3 ngày = $24 \times 3 = 72$ giờ- GV nhận xét bài- Tuyên dương hs làm tốt <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cho HS tự đọc đề bài- Cho cả lớp tự làm vào vở	<ul style="list-style-type: none">- 2HS nêu miệng: - HS tự làm bài vào vở. (Nhớ lại cách tính số ngày trong tháng dựa vào bàn tay). - HS làm vào vở.- 3 HS lên bảng chữa bài- lớp nhận xét. - Đọc đầu bài, suy nghĩ và tự làm.- HS nêu miệng kết quả. a) Năm 1789 thuộc thế kỷ XVIII. b) Năm sinh của Nguyễn Trãi là: $1980 - 600 = 1380$ thuộc thế kỷ XIV.

<p>Bài 4: + Nam chạy hết mấy phút ? + Bình chạy hết mấy phút ?</p> <p>Bài 5: 8 giờ 40 phút khác 9 giờ 40 phút. 5 kg 8g = 5008g.</p> <p>3. Cùng cố dặn dò: 1 ngày = ? giờ; 1 giờ = ? phút 1 phút = ? giây; 1 thế kỷ = ? năm. Nhớ mối quan hệ các đơn vị đo thời gian đã học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm vào vở- đổi vở kiểm tra. - 1HS lên bảng chữa bài. - HS tự đọc và khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng - HS nêu kết quả nói tiếp.
---	---

Chính tả: (Nghe - viết)

Tiết 5. NHỮNG HẠT THÓC GIỐNG

I. Mục đích yêu cầu

- Giúp học sinh nghe- viết đúng chính tả, trình bày đúng 1 đoạn văn trong bài: Những hạt thóc giống
- Học sinh làm đúng các bài tập phân biệt l/ n ; en/ eng
- Giáo dục học sinh yêu thích luyện viết chính tả.

II. Đồ dùng dạy- học

- Bảng phụ chép bài 2

III. Các hoạt động dạy- học

<p>1. ổn định</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc các từ ngữ có r/d/gi - GV nhận xét <p>3. Dạy bài mới</p> <p>a. Giới thiệu bài: nêu MĐ- YC</p> <p>b. Hướng dẫn học sinh nghe- viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc toàn bài chính tả - Nêu cách trình bày bài viết - Lời nói của các nhân vật được viết thư thế nào? - GV đọc chính tả - GV đọc soát lỗi - Thu vở và chấm 10 bài <p>c. Hướng dẫn làm bài tập chính tả</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - 3 em viết bảng lớp - Lớp viết vào nháp - Nhận xét và bổ sung - Nghe, mở sách - Học sinh theo dõi sách, đọc thầm - Luyện viết chữ khó vào nháp - 2 em nêu - Viết sau dấu hai chấm, xuống dòng gạch đầu dòng - Học sinh viết bài vào vở - Học sinh đổi vở, soát lỗi, ghi lỗi - Nghe nhận xét, tự sửa lỗi
--	---

<p>Bài tập 2a</p> <ul style="list-style-type: none">- Treo bảng phụ- GV chọn cho học sinh phần 2a- Gọi học sinh điền bảng phụ <p>- GV chốt lời giải đúng: Lời giải: nộm bài, lần này làm em, lâu nay, lòng thanh thản, làm bài</p> <p>Bài tập 3</p> <ul style="list-style-type: none">- GV đọc yêu cầu bài 3 chọn 3a- GV chốt lời giải đúng: Con nòng nọc <p>4. Củng cố - dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none">- Hệ thống bài và nhận xét giờ học- Về nhà tự sửa lỗi sai- Chuẩn bị bài sau.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh đọc yêu cầu của bài- Học sinh đọc thầm, đoán chữ- Tập điền miệng chữ bỏ trống- Lần lượt nhiều em nêu miệng- 1 em làm bảng- Lớp nhận xét- Học sinh đọc bài đúng- Làm bài đúng vào vở <ul style="list-style-type: none">- 1 em đọc câu thơ- Học sinh nói lời giải đố- Lớp đọc câu đố và lời giải
--	---

Khoa học

Tiết 9. SỬ DỤNG HỢP LÍ CÁC CHẤT BÉO VÀ MUỐI ĂN

I. Mục đích yêu cầu:

Sau bài học học sinh có thể

- Giải thích lý do cần ăn phối hợp chất béo có nguồn gốc động vật và thực vật
- Nói về lợi ích của muối iốt. Nêu tác hại của thói quen ăn mặn

II. Đồ dùng dạy học

- Hình trang 20, 21 sách giáo khoa; Tranh ảnh quảng cáo về thực phẩm có chứa iốt

III. Hoạt động dạy và học

<p>1. Kiểm tra: Tại sao cần ăn phối hợp đạm động vật và đạm thực vật</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <p>HĐ1: Trò chơi thi kể các món ăn cung cấp nhiều chất béo</p> <p>* Mục tiêu: Lập ra được danh sách tên các món ăn chứa nhiều chất béo</p> <p>* Cách tiến hành</p> <p>B1: Tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none">- Chia lớp thành hai đội chơi <p>B2: Cách chơi và luật chơi</p> <p>Thi kể tên món ăn trong cùng thời gian</p> <p>B3: Thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none">- Hai đội thực hành chơi	<ul style="list-style-type: none">- Hai học sinh trả lời- Nhận xét và bổ sung <ul style="list-style-type: none">- Lớp chia thành hai đội- Hai đội trưởng lên bốc thăm <ul style="list-style-type: none">- Học sinh theo dõi luật chơi- Lần lượt từng đội kể tên món ăn (Món ăn rán như thịt, cá, bánh...Món ăn luộc hay nấu bằng mỡ như chân giò, thịt, canh sườn...Các món muối như vùng, lạc...
--	--

<p>- GV theo dõi. Nhận xét và kết luận</p> <p>HD2: Thảo luận về ăn phối hợp chất béo có nguồn gốc động vật và thực vật</p> <p>* Mục tiêu: Biết tên một số món ăn vừa cung cấp...Nêu ích lợi của việc ăn phối hợp...</p> <p>* Cách tiến hành</p> <p>- Cho học sinh đọc lại danh sách các món ăn vừa tìm và trả lời câu hỏi:</p> <p>- Tại sao chúng ta nên ăn phối hợp chất béo động vật và thực vật</p> <p>HD3: Thảo luận</p> <p>* Mục tiêu: Nói về ích lợi của muối iốt. Nêu tác hại của thói quen ăn mặn</p> <p>- Cho HS quan sát tr/ ảnh tư liệu và HD</p> <p>- Làm ntn để bổ sung iốt cho cơ thể</p> <p>- Tại sao không nên ăn mặn</p> <p>- Nhận xét và kết luận</p> <p>3. Củng cố dặn dò:</p> <p>- Hệ thống kiến thức của bài và nhận xét giờ học</p>	<p>- Một học sinh làm thư ký viết tên món ăn</p> <p>- Hai đội treo bảng danh sách</p> <p>- Nhận xét và tuyên dương đội thắng</p> <p>- Học sinh đọc lại danh sách vừa tìm</p> <p>- Học sinh trả lời</p> <p>- Cần ăn phối hợp chất béo động vật và thực vật để đảm bảo cung cấp đủ các loại chất béo cho cơ thể</p> <p>- Nhận xét và bổ sung</p> <p>- Học sinh quan sát và theo dõi</p> <p>- Đề phòng tránh các rối loạn do thiếu iốt nên ăn muối có bổ sung iốt</p> <p>- Ăn mặn có liên quan đến bệnh huyết áp cao</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	--

Tiếng Việt (L)
LUYỆN TẬP

I. Mục đích yêu cầu:

Giúp học sinh đọc hiểu câu chuyện: *Bé Vân có bím tóc xanh*

- HS trả lời tốt các câu hỏi trong bài.
- Giáo dục học sinh biết: Ai cũng có thể mắc lỗi nhưng nếu biết dũng cảm nhận lỗi là đáng khen.

II. Đồ dùng dạy học:

- Vở LTTV buổi 2 Tập I

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. Kiểm tra:</p> <p>- Kiểm tra bài đọc hiểu tuần 4.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>2. Dạy bài mới:</p> <p>* Giới thiệu bài:</p> <p>- Nêu MĐ-YC tiết học</p>	<p>- HS tự kiểm tra chéo - báo cáo</p> <p>- HS lắng nghe</p>

<p>* Hướng dẫn HS đọc hiểu câu chuyện : <i>Bé Vân có bím tóc xanh</i>.</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS đọc câu chuyện nối tiếp- Cho HS trao đổi 5 câu hỏi theo nhóm đôi- Gọi đại diện nhóm trình bày.- Nhận xét và sửa chữa kết luận từng đáp án đúng. <p>* Đáp án:</p> <ul style="list-style-type: none">- Câu 1: c.- Câu 2: a,c.- Câu 3: b.- Câu 4: c.- Câu 5: c. <p>* Bài dành cho HSNK: (Bài 2 trang 70 TVNC) Tìm từ ghép có tiếng “tự” nói về tính cách con người, rồi chia thành hai nhóm:</p> <p>a) Chỉ phẩm chất tốt đẹp. VD: tự trọng, ...</p> <p>b) Chỉ tính xấu. VD: tự kiêu, ...</p> <ul style="list-style-type: none">+ Gọi HS đọc yêu cầu BT+ GV cho hs tự làm vào vở+ Đọc kết quả bài mình làm của mình+ GV nhận xét và chốt đáp án đúng+ Gọi HS đọc lại bài hoàn chỉnh. <p>3. Củng cố - dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét tiết học- VN ôn lại ND bài	<ul style="list-style-type: none">- HS mở SGK và đọc câu chuyện.- HS trao đổi bài và phát biểu- Đại diện từng nhóm trình bày nối tiếp- HS nhóm khác nhận xét và bổ sung <ul style="list-style-type: none">- Vài HS đọc lại câu trả lời đúng của mình.- Vài học sinh đọc lại câu chuyện <ul style="list-style-type: none">- HS tự làm rồi đọc bài làm của mình- Lớp nhận xét và chữa vào vở- HS đọc lại bài đã chữa hoàn chỉnh <ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe và thực hiện
--	--

BÀI THỨ BA

Luyện từ và câu:

Tiết 9. MỞ RỘNG VỐN TỪ : TRUNG THỰC- TỰ TRỌNG

I. Mục đích yêu cầu

- Mở rộng vốn từ ngữ thuộc chủ đề: Trung thực- Tự trọng.
- Nắm được nghĩa và biết cách dùng các từ ngữ nói trên để đặt câu.
- Giáo dục học sinh luôn có tính trung thực và tự trọng.

II. Đồ dùng dạy- học

- Bảng phụ viết nội dung bài 3, 4
- Từ điển Tiếng Việt, phiếu bài tập

III. Các hoạt động dạy- học

<p>1. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none">- 2 HS lên bảng chữa bài 2, 3 giờ trước <p>2. Dạy bài mới</p> <p>a. Giới thiệu bài: GV nêu MĐ- YC</p> <p>b. Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>Bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none">- GV phát phiếu yêu cầu h/s trao đổi cặp- GV nhận xét chốt lời giải đúng: <p>+ Từ cùng nghĩa với trung thực: Thẳng thắn, ngay thẳng, thành thật, thật tâm...</p> <p>+ Từ trái nghĩa với trung thực: Dối trá, gian dối, gian lận, gian xảo, lừa bịp...</p> <p>Bài tập 2</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nêu yêu cầu của bài <p>- GV ghi nhanh 1, 2 câu lên bảng</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét <p>Bài tập 3</p> <ul style="list-style-type: none">- GV treo bảng phụ- GV nhận xét chốt lời giải đúng <p>+ Tự trọng là coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình.</p> <p>Bài tập 4</p> <ul style="list-style-type: none">- GV gợi ý, gọi 2 em lên bảng chữa bài- Nhận xét chốt lời giải đúng <p>+ Các thành ngữ, tục ngữ a,c,d nói về tính trung thực.</p> <p>+ Các thành ngữ, tục ngữ : b,e nói về lòng tự trọng</p> <p>3. Củng cố dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none">- Hệ thống bài và nhận xét giờ học- Về nhà đọc lại bài- Chuẩn bị bài sau	<ul style="list-style-type: none">- 1 em làm lại bài tập 2- 1 em làm lại bài tập 3 <ul style="list-style-type: none">- Nghe, mở sách <ul style="list-style-type: none">- 1 em đọc yêu cầu, đọc cả mẫu- Từng cặp h/s trao đổi, làm bài- HS trình bày kết quả- Làm bài đúng vào vở <ul style="list-style-type: none">- HS mở sách đọc yêu cầu bài 2- Nghe GV phân tích yêu cầu- Tự đặt 2 câu theo yêu cầu- Lần lượt đọc <ul style="list-style-type: none">- HS đọc nội dung bài 3- 1 em làm bảng phụ- Lớp làm bài vào vở- 2-3 em đọc bài <ul style="list-style-type: none">- HS đọc yêu cầu bài 4- 2 em chữa bài trên bảng- Lớp nhận xét <ul style="list-style-type: none">- Nghe GV nhận xét.
---	--

Toán

Tiết 22. TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

I. Mục đích yêu cầu: Giúp HS:

- Có hiểu biết ban đầu về số trung bình cộng của nhiều số.

- Biết cách tìm số trung bình cộng của nhiều số.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ, Phấn màu
- Sử dụng hình vẽ trong SGK

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra:</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>a. Hoạt động 1: Giới thiệu số trung bình cộng và cách tìm số trung bình cộng.</p> <p>*GV nêu bài toán 1:</p> <p>- GV vẽ sơ đồ tóm tắt bài và hướng dẫn giải:</p> <p>+ Tính tổng số dầu có trong hai can?</p> <p>+ Tính số dầu rót đều trong mỗi can?</p> <p>- GV nêu: 5 là trung bình cộng của hai số 6 và 4(Trung bình mỗi can có 5lít dầu).</p> <p>- Nêu cách tìm số trung bình cộng của hai số?</p> <p>*GV nêu bài toán 2 và hướng dẫn HS giải tương tự như bài toán 1.</p> <p>- Nêu cách tìm số trung bình cộng của nhiều số?</p> <p>b. Hoạt động 2: Thực hành.</p> <p>Bài 1:</p> <p>- Cho HS tự làm nháp</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>Bài 2:</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài</p> <p>- Lớp làm phiếu BT</p> <p>- GV chốt KQ đúng</p> <p>Bài 3:</p> <p>- 2 HS đọc đề bài</p> <p>- Lớp làm vào vở</p> <p>- GV nhận xét vở</p> <p>4. Củng cố dặn dò:</p> <p>- Nêu cách tìm số trung bình cộng của nhiều số?</p> <p>- Về nhà ôn lại bài</p>	<p>- HS đọc lại bài toán:</p> <p>- HS tự giải bài vào vở nháp.</p> <p>- 1HS lên bảng chữa bài.</p> <p>- 3, 4 HS nêu:</p> <p>- HS tự đọc bài toán 2.</p> <p>- 3, 4 HS nêu</p> <p>Bài 1: - HS làm trên bảng lớp. - HS nhận xét chữa bài.</p> <p>Bài 2:</p> <p>- HS đọc đề</p> <p>- giải bài vào phiếu BT.</p> <p>- 1HS chữa bài.</p> <p style="text-align: right;">Đáp số: 37 kg</p> <p>Bài 3:</p> <p>- HS nêu:</p> <p>- Giải bài vào vở</p> <p>- Đổi vở kiểm tra.</p>